TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hòa thượng Thích Minh Nguyệt (1907 - 1985)

ISSN: 2734-9195 15:49 20/03/2024

Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, thế danh là Lý Duy Kim, sinh ngày 19.12.1907, trong một gia đình trung nông, tại xã Tân An, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là Sông Bé).

Hòa thượng Thích Minh Nguyệt (1907 - 1985)

> Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, thế danh là Lý Duy Kim, sinh ngày 19.12.1907, trong một gia đình trung nông, tại xã Tân An, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là Sông Bé).
> Hòa thượng Thích Minh Nguyệt (1907 - 1985)

Năm Kỷ Mùi (1919), khi vừa đúng 13 tuổi, Ngài đến chùa Thiên Thai (tỉnh Bà Rịa) xin xuất gia, tu học với Tổ Huệ Đăng, vốn là một Tăng sĩ tài ba, một nhà Nho uyên thâm có tinh thần yêu nước.

Trong thời gian tu học tại đây, ngoài những thời khóa, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt được gần gũi, hầu cận bên Tổ Huệ Đăng. Do đó Ngài đã có được những cảm nghĩ ban đầu về tinh thần dân tộc khi được dự nghe những buổi tọa đàm giữa Tổ Huệ Đăng và cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh). Ý thức cách mạng nảy nở trong lòng và Ngài luôn luôn trăn trở về điều ấy.

Năm Mậu Dần (1938), ý chí nâng cao tri kiến bằng cách đem đạo Phật vào cuộc đời và tinh thần yêu nước thôi thúc, Ngài xin phép Bổn sư để vân du tham học khắp nơi, vừa mở mang trí tuệ, vừa thâm nhập thực tại hoàn cảnh đất nước ở nhiều khía cạnh. Bước chân Ngài đã nhiều lần đến chùa Phật Bổn (Cần Thơ), Bửu Long (Mỹ Tho), Long An (Sài gòn), Vĩnh Tràng (Tiền Giang), Ô Môi (Vĩnh Long), Thiên An v.v... Đó là những cuộc thuyết giảng, những bước chân giáo hóa chúng sanh, để lại trong lòng Tăng Ni Phật tử mọi nơi hình ảnh tốt đẹp về hạnh nguyện của Ngài.

Năm Canh Thìn (1940), cùng với cao trào chấn hưng Phật giáo, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã nổ ra. Trách nhiệm đạo - đời, Ngài vẫn hàng ngày nhắc nhở mình phải chu toàn. Trong bối cảnh phong trào chấn hưng Phật giáo, khi suy lúc thịnh, do nhiều yếu tố thời cuộc chi phối, đặc biệt là bàn tay phá rối từ phía thực

dân và những người theo thực dân và trước nạn đồng bào bị áp bức bóc lột, tàn sát, lòng yêu nước của Ngài càng được nung nấu thêm. Đến khi hay tin Hòa thượng Trí Thiền (chùa Tam Bảo, Rạch Giá) bị bắt và lưu đày Côn Đảo, Ngài đã chuyển lòng yêu nước của mình thành hành động tích cực.

Năm Ất Dậu (1945), Cách Mạng Tháng Tám thành công, cũng là lúc bề dày hoạt động của Ngài đã đủ chứng minh cho lòng yêu nước nồng nàn ấy. Ngài hoạt động khi chìm khi nổi, ẩn hiện khắp mọi nơi với bí danh Tam Không. Liên tục sau đó Hòa thượng Thích Minh Nguyệt được mọi người tín nhiệm bầu vào các chức vụ như Hội trưởng Hội Phật Giáo Cứu Quốc Nam bộ, Hội trưởng Hội Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Mỹ Tho, Hội trưởng Hội Phật Giáo Cứu Quốc khu Sài gòn - Gia Định, Ủy viên Mặt trận tỉnh Mỹ Tho, Ủy viên khu Sài Gòn - Gia Định và kỳ bộ Việt Minh Nam bộ.

Là một công dân yêu nước nồng nàn, đồng thời là một Tăng sĩ vốn đã được trang bị tinh thần bi, trí, dũng của chốn thiền môn nên hoạt động chống thực dân và phát triển Hội Phật Giáo Cứu Quốc đều được Hòa thượng Thích Minh Nguyệt tiến hành song song ở từng địa bàn, nhất là chùa Ô Môi (Đồng Tháp Mười) nơi đặt trụ sở của Hội Phật Giáo Cứu Quốc Nam Bộ. Bất chấp mọi gian nguy, Ngài đã đi khắp nơi vận động và đấu tranh ngay trong vùng thực dân kiểm soát. Và trong nội thành Sài Gòn cũng không thiếu dấu chân Ngài.

Năm Giáp Ngọ (1954) sau Hiệp định Genève, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt ở lại miền Nam hoạt động cùng các vị khác. Ngài vận động được rất nhiều tự viện làm cơ sở giúp đỡ che giấu cán bộ hoạt động cách mạng ngay trong vùng bị kiểm soát. Lúc này Ngài là vị tiêu biểu cho lực lượng Tăng sĩ hoạt động yêu nước, vì thế chính quyền Ngô Đình Diệm chú ý và theo dõi rất gắt gao từng bước đi của Ngài.

Một mặt, chúng ra sức dùng mọi thủ đoạn hòng mua chuộc, lôi kéo Ngài, thậm chí tạo cơ hội cho Ngài lãnh đạo một tổ chức Phật giáo hữu danh vô thực, có sự bảo hộ, tài trợ từ phía chính quyền... Nhưng Ngài đã khéo léo từ khước, vẫn tiếp tục con đường cách mạng đã đi. Trong thời gian hoạt động bí mật, Ngài từng chủ trương xuất bản nguyệt san Tinh Tấn (1947) và tập san Tổ Quốc (1956).

Năm Canh Tý (1960) ngày 6-4, một cơ sở bị lộ. Tất cả cán bộ cốt cán bị bắt, trong đó có Ngài. Nhân cơ hội này chính quyền không ngớt rêu rao về tội danh "phản nghịch" của Ngài, hòng làm lung lạc những người yêu nước khác. Và để tăng thêm sức mạnh cho mục đích đó, Ngài bị đày ra Côn Đảo với mức án 20 năm tù khổ sai.

Năm Giáp Dần (1974), sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt được trao trả về vùng giải phóng Lộc Ninh. Như vậy Ngài đã bị lưu

đày khổ sai nơi Côn Đảo hơn 15 năm.

Khi được tự do, Ngài liên lạc với các vị giáo phẩm lãnh đạo khác trong các tỉnh phía Nam, để chuẩn bị cho lực lượng Phật giáo tham gia nổi dậy cùng các mũi tiến công của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Năm Ất Mão (1975), miền Nam hoàn toàn giải phóng, Ngài gặp lại các vị lãnh đạo Phật giáo sau bao nhiêu năm xa cách. Bằng khả năng và uy tín của mình trước tình hình mới của đất nước, Ngài đảm đương các chức vụ Phó chủ tịch Ủy Ban Mặt Trận Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên đoàn chủ tịch Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.

Ngoài ra, Ngài còn làm Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh, với nhiệm vụ liên lạc Tăng Ni Phật tử đoàn kết, xây dựng tổ quốc trong giai đoạn mới.

Để hậu thuẫn cho mục đích này, Ngài lãnh chức Chủ nhiệm Báo Giác Ngộ, tờ báo Phật giáo đầu tiên tại các tỉnh phía Nam sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất. Và để thắt chặt thêm tình hữu nghị, Ngài đã cùng Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Minh Châu... tham dự Hội nghị Tôn giáo Thế giới được tổ chức tại Mátx-Cơ-Va - Liên Xô, tham quan Phật giáo Liên Xô ở vùng Bu-ri-át, Hội nghị Tổ chức Phật tử Châu Á vì Hòa Bình tại Mông Cổ. Trong dịp này Ngài được tặng nhiều huân chương hữu nghị.

Ban trù bị Đại hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam được thành lập, Ngài là Phó Ban vận động kiêm Trưởng ban Thông tin. Năm Tân Dậu (1981), tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc tổ chức ở Hà Nội, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ra đời với tầm vóc đại thể xuyên suốt, có hiến chương chặt chẽ. Ngài được suy cử ngôi vị Phó Pháp Chủ thường trực Hội Đồng Chứng Minh Trung Ương.

Thời gian tiếp theo sau đó, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt về an trú và làm việc tại chùa Long Hoa (quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, ngày 28 tháng chạp năm Giáp Tý (18/1/1985) Ngài đã viên tịch, thọ 77 tuổi đời, và 57 năm hành đạo.

Kim quan Ngài được đưa về nhập tháp nơi chùa Tổ Thiên Thai (tỉnh Bà Rịa) theo phó chúc “Uống nước nhớ nguồn, lá rụng về cội”.

Xét về ý nghĩa, tuy là Tam Không, song thực thế là Minh Nguyệt, vẫn hằng chiếu sáng. Như thế, tại cõi Ta bà này Ngài đã để lại trong lòng mọi người sự nhập thế của một Tăng sĩ giàu lòng yêu nước.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX – Tập 1** (Phật giáo giai đoạn chia đôi đất nước) Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**